

Bản án số: **09/ 2018/ HNGĐ-ST.**

Ngày: 13/ 7/ 2018.

*“V/v: Không công nhận vợ chồng
giữa anh D và chị H”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Việt Cẩm.
2. Ông Đinh Văn Vinh.

-Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão là Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 13/7/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 13/6/2018 về tranh chấp: ***“Kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Xuân D, sinh năm 1965;

- Bị đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: TDP 20, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Anh Dương và chị Hoa vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh D và chị H sau một thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng từ đó cho đến nay, anh chị không có đăng ký kết hôn (ĐKKH) theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn; anh chị không tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã và hiện đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Do mâu thuẫn của anh chị đã thật sự trầm trọng, anh chị không còn tình cảm với nhau nữa nên anh D đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau và chị H cũng đồng ý với yêu cầu của anh D.

2. Về con chung: Anh D và chị H có 02 con chung tên Đặng Xuân L, sinh ngày 02/12/1998 và Đặng Văn A, sinh ngày 16/12/2005. Do cháu L đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên anh chị cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; anh D sẽ cấp dưỡng nuôi cháu A với mức 1.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu A trưởng thành, có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Anh D và chị H thỏa thuận tặng cho tài sản chung cho hai con nên anh chị cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh D và chị H xác định là nợ chung của anh chị không có nên anh chị cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy CMND mang tên Đặng Xuân D (bản photo), 01 Giấy phép lái xe mang tên Trần Thị H (bản photo), 01 Sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Đặng Xuân D (bản sao), 02 Giấy khai sinh mang tên Đặng Văn A và Đặng Xuân L (đều là bản sao).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh D và chị H có 02 con chung là Đặng Xuân L và Đặng Văn A, điều này được thể hiện qua chứng cứ do anh D giao nộp là Giấy khai sinh mang tên Đặng Văn A và Đặng Xuân L (đều là bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về tố tụng dân sự:** Anh Đặng Xuân D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết yêu cầu hôn nhân gia đình của anh chị. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Anh D và chị H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng từ đó cho đến nay, anh chị không có ĐKKH theo quy định của pháp luật là vi phạm quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong công việc làm ăn; anh chị không tôn trọng lẫn nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã và hiện đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Do mâu thuẫn của anh chị đã thật sự trầm trọng, anh chị không còn tình cảm với nhau nữa nên anh D đã khởi kiện và chị H cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau. Xét anh D và chị H chung sống với nhau nhưng không có ĐKKH nên cần căn cứ vào quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để tuyên bố quan hệ giữa anh D và chị H không được công nhận là vợ chồng.

[3] **Về con chung:** Anh D và chị H có 02 con chung tên Đặng Xuân L, sinh ngày 02/12/1998 và Đặng Văn A, sinh ngày 16/12/2005. Do cháu L đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên anh chị cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, có khả năng lao động; anh D sẽ cấp dưỡng nuôi cháu A với mức 1.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu A trưởng thành, có khả năng lao động. Xét thỏa thuận này là tự nguyện và đúng pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu A nên được HĐXX công nhận.

[4] **Về tài sản chung:** Anh D và chị H thỏa thuận tặng cho tài sản chung cho hai con nên anh chị cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] **Về nợ chung:** Anh D và chị H xác định là nợ chung không có nên anh chị cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[6] **Về án phí:** Anh D phải chịu án phí LH-ST theo quy định là 300.000 đồng và án phí DS-ST là 150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm b mục 3 của Nghị quyết số: 35/ 2000/ QH10 ngày 09/ 06/ 2000 của Quốc hội;

- Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Đặng Xuân D và chị Trần Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của hai đương sự, giao cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Văn A, sinh ngày 16/12/2005 cho đến khi cháu A trưởng thành, có khả năng lao động; anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A với mức 1.000.000đ/tháng, bắt đầu từ tháng 7/2018 cho đến khi cháu A trưởng thành, có khả năng lao động.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án (THA) cho đến khi anh D thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng thì hàng tháng anh D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải THA theo lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí LH-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0006496 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; anh D đã nộp đủ án phí LH-ST.

Anh D phải chịu 150.000 đồng án phí DS-ST phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia L;
- VKS huyện K;
- THA huyện K;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phương

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS KBang;
- THA KBang;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên